TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **360**/2018/DS-ST;
Ngày: 24/10/2018;
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Hoàng Hoa**

2. Ông **Nguyễn Văn Bé**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 390/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **ĐỖ NGỌC H** – sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **ĐẶNG NGỌC Đ** – sinh năm 1975.

PHAN THỊ B – sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **PHAN VĂN C** – sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp B 2, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh H và chị B có mặt; Anh Đ vắng mặt;

Anh C có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Đỗ Ngọc H trình bày:

Từ ngày 03/8/2017 đến ngày 30/12/2017 âm lịch, vợ chồng anh Đặng Ngọc Đ và chị Phan Thị B có mua thức ăn chăn nuôi của anh với số tiền 161.110.000 đồng, trong đó bao gồm: tiền nợ mua thức ăn ban đầu là 19.850.000 đồng; 704 bao thức ăn cho vịt lớn x 190.000 đồng = 133.760.000 đồng; 04 bao thức ăn vịt con x 250.000 đồng = 1.000.000 đồng; tiền vịt con 500 con x 13.000 đồng = 6.500.000 đồng. Đến tết nguyên đán năm 2018 thì anh Đ, chị B bán hết vịt và không mua thức ăn của anh nữa mà cũng không trả tiền nợ cho anh. Hiện nay anh Đ, chị B còn nợ anh số tiền 161.110.000 đồng.

Nay anh yêu cầu anh Đ, chị B trả số tiền 161.110.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 01/01/2018 âm lịch tức ngày 16/02/2018 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án, yêu cầu anh Đ, chị B trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn chị Phan Thị B tình bày:

Bắt đầu năm 2017 chị có mua thức ăn vịt của anh Đỗ Ngọc H đến ngày 30/12/2017 âm lịch chị có nợ thức ăn là 127.150.000 đồng, có nợ 6.500.000 đồng vịt con và 7.600.000 đồng tiền thức ăn mà em chị là Phan Văn C có đưa chị để trả cho anh H nhưng chị chưa trả. Tổng cộng chị còn nợ anh H số tiền 141.250.000 đồng. Chị đồng ý trả số tiền 141.250.000 đồng cho anh H nhưng xin được trả dần như sau: đến tết nguyên đán 2019 chị trả 20.000.000 đồng, đến cuối 2019 chị trả 60.000.000 đồng, đến cuối 2020 chị trả 61.250.000 đồng là hết nợ. Chị xin không trả lãi vì không có khả năng, chồng chị là anh Đ có biết việc mua bán thức ăn giữa chị và anh Hiền và đồng ý cùng chị trả nợ.

Chị chỉ nợ anh H số tiền 141.250.000 đồng đã bao gồm tiền gối đầu, tiền thức ăn và tiền vịt con, cùng tiền thức ăn của C. Chị không nợ anh H khoản tiền nào khác, chữ "tôi đồng ý" và ký tên là "B" trong sổ mua thức ăn của anh H là chữ ký và chữ viết của chị, với ý nghĩa chị đồng ý trả cho anh Hiền tiền thức ăn theo giá lên với điều kiện anh H cho chị trả dần, nay anh H khởi kiện ra Tòa thì chị chỉ đồng ý trả theo giá cũ với số tiền 141.250.000 đồng.

Bị đơn anh Đặng Ngọc Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không đến tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn C trình bày:

Anh là em ruột của chị B, em vợ anh Đ và có mua thức ăn chăn nuôi của anh H. Từ năm 2017 âm lịch anh có nuôi vịt, cần mua thức ăn cho vịt nên có kêu chị B mua thức ăn về chia với anh, một số lần thì đại lý chở thức ăn bỏ ở nhà

anh, một số lần bỏ ở nhà chị B anh sang chở về. Anh có biết chị B mua thứ ăn của đại lý anh H, khi trả tiền thì anh trả cho chị B, anh không giao dịch trực tiếp với anh H, không gọi trực tiếp cho anh H mua thức ăn hay trả tiền trực tiếp cho anh H. Anh chỉ nuôi khoảng 100 con vịt, mỗi lần mua thức ăn khoảng 30 bao. Anh có trả tiền cho chị B 2 – 3 lần, mỗi lần khoảng hơn 5.000.000 đồng. Do anh nuôi ít và đã lâu nên không nhớ rõ. Anh đã trả tiền đầy đủ cho chị B, còn chị B có thanh toán cho anh H thì anh không biết. Do anh không giao dịch trực tiếp với anh H và anh cũng đã trả tiền đầy đủ chị B nên anh không có nợ tiền anh H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Ngọc H,buộc anh Đặng Ngọc Đ và chị Phan Thị B trả cho anh H số tiền 141.250.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày 16/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “ Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[1] Xét bị đơn anh Đặng Ngọc Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh C.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 03/8/2017 đến ngày 30/12/2017 âm lịch anh H và anh Đ, chị B có mua bán thức ăn chăn nuôi với số tiền 161.110.000 đồng, gồm: tiền nợ mua thức ăn ban đầu 19.850.000 đồng; 704 bao thức ăn cho vịt lớn, giá 190.000đồng là 133.760.000 đồng; 04 bao thức ăn vị con, giá 250.000 đồng là 1.000.000 đồng; tiền vịt con 500 con, giá 13.000 đồng là 6.500.000 đồng. Đến tết nguyên đán năm 2018 thì anh Đ, chị B không còn mua thức ăn của anh H mà không trả nợ cho anh H nên anh H khởi kiện yêu cầu anh Đ, chị B trả số tiền 161.110.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh H đã cung cấp cho Tòa án sổ mua bán có chữ ký của chị B, tại bản tự khai phía chị B cũng thống nhất có mua thức ăn chăn nuôi vịt của anh H. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa

anh H và anh Đ, chị B đã xác lập một hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

Tại bản tự khai chị Phan Thị B cho rằng đến ngày 30/12/2017 âm lịch chị còn nợ anh H số tiền thức ăn là 127.150.000 đồng đã bao gồm cả tiền anh H gối đầu, 6.500.000 đồng tiền vịt con và 7.600.000 đồng tiền thức ăn mà anh Phan Văn C gởi chị trả cho anh H, tổng cộng chị nợ anh H 141.250.000 đồng. Phía anh H không có chứng cứ chứng minh được số tiền nợ gối đầu mà anh khởi kiện anh Đ, chị B là 19.850.000 đồng và lệch 10.000 đồng trong số nợ mà anh H khởi kiện anh Đ, chị B. Anh H và chị B đều thống nhất chữ ký "B" và dòng chữ "tôi đồng ý" trong sổ mua bán của anh H là thể hiện cho việc chị B đồng ý trả tiền thức ăn theo giá tăng lên; phía chị B đã cung cấp cho Tòa án giấy tổng kết tiền nợ do anh H thống kê và anh H cũng thừa nhận đã thống kê số nợ 141.250.000 đồng cho chị B. Phía anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu anh H cho thấy anh Đ đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị B khai rằng anh Đ có biết việc mua bán thức ăn giữa chị và anh H và đồng ý cùng chị B trả nợ cho anh H. Xét khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình nên anh Đ phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do chị Bảy thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh Đ, chị B còn nợ anh H số tiền 141.250.000 đồng, cần buộc anh Đ, chị B trả cho anh Hiền số tiền 141.250.000 đồng

Đối với yêu cầu tính lãi: Xét yêu cầu của anh H yêu cầu anh Đ và chị B tính lãi suất của số tiền 161.110.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 16/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử; phía chị B xin không trả lãi vì không có khả năng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của anh H là có cơ sở một phần vì căn cứ theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận không vượt quá 20%/năm và không thỏa thuận không vượt quá 10%/năm, thì tiền lãi được tính như sau như sau: 141.250.000 đồng x 10%/năm x 08 tháng 08 ngày = 9.730.554 đồng. Như vậy, tiền vốn và lãi anh Đ, chị B phải trả cho anh H là 150.980.554 đồng.

Về thời gian trả: Tại phiên tòa chị B xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 141.250.000 đồng không được phía anh H đồng ý và anh Đ, chị B đã nợ anh H số tiền 150.980.554 đồng quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H, nên Hội đồng xét xử buộc anh Đ và chị B trả cho anh H số tiền 150.980.554 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của anh Hiền được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên anh H phải chịu phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, anh Đ và chị B phải chịu án phí theo quy định đối với phần yêu cầu khởi kiện của anh H được Tòa án chấp nhận.

[3] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Ngọc H.

Buộc anh Đặng Ngọc Đ và chị Phan Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho anh Đỗ Ngọc H số tiền đồng 150.980.554 đồng *(Một trăm năm mươi triệu chín trăm tám mươi ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng)*. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Đỗ Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đặng Ngọc Đ và chị Phan Thị B không trả số tiền trên thì hàng tháng anh Đ và chị B phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Đặng Ngọc Điệp và chị Phan Thị B phải chịu 7.549.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Ngọc H phải chịu 993.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào 4.646.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0014861 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên anh H được hoàn lại 3.653.000 đồng.

Báo nguyên đơn và bị đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án . Báo bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản ánđược thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- TAND tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân